TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HT
TỈNH BT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15.01.2021

V/v: "Tranh chấp ly hôn, và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ph Đ Kh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hữu A và bà Trần Thị Ng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Th – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Kim Tr – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 182/2020/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXX- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2020/QĐST- HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Đội 6, thôn ĐT, xã TH, huyện HT, tỉnh BT. (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Công M, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Đội 6, thôn ĐT, xã TH, huyện HT, tỉnh BT. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị L trình bày:

- ***Về hôn nhân:*** Giữa chị Trần Thị L và anh Lê Công M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn TN ngày 06/01/2010. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do anh M thường xuyên ăn nhậu, vô trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường xuyên cải vã và anh Mnhiều lần đánh đập chị L. Đến năm 2020 thì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã quá lớn, không thể hàn gắn để sống chung với nhau được nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Trần Thị L ly hôn với anh Lê Công M.

- Về con chung: Vợ chồng chị L và anh M có 02 con chung gồm: Cháu Lê Anh K, sinh ngày: 15/10/2010 và cháu Lê Gia Kh, sinh ngày: 22/3/2015. Chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Không yêu cầu anh Lê Công M cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***-Về nợ chung*:** Tại đơn khởi kiện, chị Trần Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản tiền do chị L và anh M vay của NHCSXH là: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và một khoản vay khác do bà Đỗ Thị X vay dùm cho anh M, chị L là: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với mức lãi suất 09%/năm, thời hạn cho vay 60 tháng, thời hạn trả nợ ngày 21/3/2025.

Tuy nhiên, tại phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12 tháng 11 năm 2020; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là HCSXH không có yêu cầu độc lập do hợp đồng vay chưa đến thời hạn trả nợ nên chị Trần Thị L xin rút toàn bộ yêu cầu giải quyết nợ chung.

- Về án phí: Chị Trần Thị L tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Bị đơn anh Lê Công M đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến và cũng không tham gia phiên tòa.

Đại diện VKSND huyện HT tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Đối với đương sự thì nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn là anh Lê Công M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, thấy rằng giữa chị Trần Thị L và anh Lê Công M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn TN ngày 06/01/2010. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do anh M thường xuyên ăn nhậu, vô trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường xuyên cải vã và anh M nhiều lần đánh đập chị L. Đến năm 2020 thì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã quá lớn, không thể hàn gắn để sống chung với nhau được nữa. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Lượng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Trần Thị L ly hôn với anh Lê Công M. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đề nghị Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Về con chung, đề nghị giao cháu Lê Anh K, sinh ngày: 15/10/2010 và cháu Lê Gia Kh, sinh ngày: 22/3/2015 cho chị Trần Thị Ltrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy;

[1] *Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của tòa án:* Hội đồng xét xử thấy rằng đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HT.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn là anh Lê Công M không trình bày ý kiến và cũng không tham gia tố tụng nên xác định bị đơn đã từ bỏ các quyền tham gia tố tụng của mình. Do đó, tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân:* Theo lời trình bày của nguyên đơn cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, xác định giữa chị Trần Thị L và anh Lê Công M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn TN ngày 06/01/2010. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do anh M thường xuyên ăn nhậu, vô trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường xuyên cải vã và anh M nhiều lần đánh đập chị L. Đến năm 2020 thì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã quá lớn, không thể hàn gắn để sống chung với nhau được nữa. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Trần Thị L ly hôn với anh Lê Công M.

Theo biên bản xác minh tại nơi cư trú ngày 13/11/2020, có xác nhận của UBND xã TH đã khẳng định nội dung trình bày của nguyên đơn là đúng sự thật. Giữa chị Trần Thị L và anh Lê Công M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn TN ngày 06/01/2010. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và thường xuyên cải vã. Theo nguyên đơn trình bày, nguyên nhân là do do anh M thường xuyên ăn nhậu, vô trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường xuyên cải vã và anh Minh nhiều lần đánh đập chị L nên hành vi của anh M đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị L và đề nghị

của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị L và anh M có 02 con chung gồm: Cháu Lê Anh K, sinh ngày: 15/10/2010 và cháu Lê Gia Kh, sinh ngày: 22/3/2015. Chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Không yêu cầu anh Lê Công M cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu, nguyện vọng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại bản tự khai và biên biên bản lấy lời khai ngày 11/12/2020, cháu Lê Anh K, sinh ngày: 15/10/2010 có nguyện vọng ở với mẹ; Đối với cháu Lê Gia Kh, sinh ngày: 22/3/2015 thì tính đến nay cháu Kh là dưới 07 tuổi và hiện đang sống với chị L nên cần tiếp tục giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về chia tài sản và nợ chung*:

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị Trần Thị L xin rút yêu cầu chia nợ chung; Bị đơn không có yêu cầu phản tố và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận, đình chỉ giải quyết phần yêu cầu chia nợ chung.

[5].*Về án phí*: Chị Trần Thị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Lê Công M.

Về con chung: Giao cháu Lê Anh K, sinh ngày: 15/10/2010 và cháu Lê Gia Kh, sinh ngày: 22/3/2015 cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu chia nợ chung của chị Trần Thị L.

2. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0002734 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT.

3. Án xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Án có hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ph Đ Kh

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BT;
-VKSND huyện HT;
-THA dân sự huyện HT;
-Các đương sự;
-Lưu HS.